

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HS-ST

Ngày: 24/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Thọ

Ông Nguyễn Văn Luận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Anh Tuấn - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị P**, (tên gọi khác: Không); giới tính: Nữ, sinh năm 1996, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị O; Chồng: Dương Ngọc T; Con: có ba con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (Có mặt).

Bị hại: Anh Bùi Trọng L, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Bùi Trọng C, sinh năm 1995; Trú tại: thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Dương Ngọc T, (Có mặt).

2. Anh Lê Quang T1, (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn D, (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Hữu T2, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị P trú tại xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có thuê số nhà 101, đường T, phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Ninh Bình để kinh doanh bán phụ kiện điện thoại. Ngoài ra P còn làm dịch vụ đáo hạn và rút tiền thẻ tín dụng cho những người có nhu cầu. Do nợ nần nên để có tiền trả nợ P đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Ngày 09/03/2024, anh Bùi Trọng C sinh năm 1995, trú tại thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình mượn thẻ tín dụng ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), số thẻ 5189660119367269 của em trai là anh Bùi Trọng L sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình để thanh toán tiền dầu với số tiền là 60.000.000 đồng cho anh Lê Quang T1 sinh năm 1995, trú tại thôn Trung Hạ, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Do cửa hàng xăng dầu của anh T1 không có máy POS (máy quét thẻ tín dụng) nên anh C nhờ anh T1 tìm chỗ để rút tiền từ thẻ tín dụng. Anh T1 tìm thông tin trên mạng xã hội Facebook thì biết anh Dương Ngọc T, sinh năm 1992 trú tại xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là chồng của Nguyễn Thị P) có làm dịch vụ rút tiền thẻ tín dụng. Anh T1 liên hệ với anh T thì anh T thỏa thuận chi phí rút tiền là 2%, anh T1 đồng ý. Anh T bảo anh T1 mang thẻ tín dụng đến cửa hàng của Nguyễn Thị P tại địa chỉ số nhà 101, đường T, phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Ninh Bình để rút tiền. Sau đó, anh T1 bảo anh C mang thẻ đến địa chỉ trên để rút tiền. Ngày 12/03/2024, anh C nhờ anh Nguyễn Văn D sinh năm 1999, trú tại số nhà 24, đường P, phố 4, phường V, thành phố H, tỉnh Ninh Bình chở đến cửa hàng của vợ chồng P rồi anh C đưa thẻ tín dụng số 5189660119367269 mang tên Bùi Trọng L của ngân hàng VP Bank cho anh D cầm vào đưa cho anh T để rút tiền. Do anh T1 là người đã liên hệ với anh T nên anh T liên hệ với anh T1 xin thông tin tài khoản để đăng nhập vào App ngân hàng VP Bank thực hiện việc rút tiền. Anh T1 thông báo lại cho anh C và anh L để liên hệ với anh T và cung cấp tài khoản cho anh T rút tiền. Sau đó anh L liên hệ và cung cấp tài khoản, mật khẩu, mã OTP cho anh T. Anh T đã cung cấp lại cho Nguyễn Thị P để thực hiện việc rút tiền trên App ngân hàng VP Bank thông qua hình thức thanh toán hoá đơn tiền điện. P lấy các hoá đơn tiền điện từ anh Nguyễn Hữu T2 sinh năm 1994 trú tại tổ dân phố Phố Săn, thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Sau đó P sử dụng thẻ tín dụng của anh L để thanh toán các hóa đơn tiền điện này, sau khi thanh toán xong thì anh T2 sẽ chuyển tiền lại cho P. Nguyễn Thị P đã thực hiện thanh toán tổng số tiền các hóa đơn điện là 56.675.605 đồng, anh T2 đã chuyển tiền cho P, sau đó P đã trả cho anh L và anh C đủ số tiền theo như đã thỏa thuận.

Tối ngày 15/03/2024, do P đang nợ tiền hóa đơn điện của anh T2 đã cho P ứng trước đó nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong thẻ tín dụng của anh L. P đã gọi điện cho anh L nói dối là cần anh L cung cấp tài khoản, mật khẩu, mã OTP

đề P vào App ngân hàng VP Bank kiểm tra lại các giao dịch bị lỗi hôm trước và thực hiện thanh toán lại đối với các giao dịch bị lỗi, sau đó khoảng 02–03 ngày các giao dịch bị lỗi sẽ tự động hoàn tiền về tài khoản cho anh L (thực tế không có giao dịch nào bị lỗi). Anh L tin tưởng nên đã cung cấp tài khoản, mật khẩu, mã OTP cho P. Trong 02 ngày 16/03/2024 và 17/03/2024, P đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh L, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút đến 23 giờ ngày 16/03/2024, Nguyễn Thị P đã thực hiện 11 giao dịch thanh toán hoá đơn tiền điện với tổng số tiền là 26.312.564 đồng.

Lần thứ hai: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 15 phút đến khoảng 11 giờ 20 phút ngày 17/03/2024, Nguyễn Thị P đã thực hiện 06 giao dịch thanh toán hoá đơn tiền điện với tổng số tiền là 12.090.466 đồng. Các giao dịch thanh toán hóa đơn tiền điện này P dùng để trả nợ cho anh T2. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị P đã chiếm đoạt của anh L là 38.403.029 đồng.

Đến ngày 19/03/2024, do không thấy tiền hoàn về tài khoản như P nói nên anh L có hỏi P thì P nói dối là do vướng vào ngày thứ 7, chủ nhật nên tiền hoàn về muộn. Sau nhiều ngày không thấy tiền hoàn về như lời P nói nên anh L nói chuyện với anh C, Sau đó, anh C có liên hệ và hỏi P tại sao lại rút thêm số tiền khoảng 40.000.000 đồng thì lúc này P nói với anh C đã rút số tiền trên để làm đáo hạn thẻ cho khách nhưng tiền chưa hoàn về và hứa hẹn với anh C đến ngày 28/03/2024 trả lại tiền cho anh C và làm đáo hạn thẻ cho anh C, anh C đồng ý. Đến ngày 26/03/2024, P tiếp tục xin anh C cho P rút tiếp số tiền khoảng 60.000.000 đồng trong thẻ tín dụng của anh L để làm đáo hạn thẻ cho khách, hứa đến ngày 28/03/2024 sẽ thanh toán hết tiền cho anh C và làm đáo hạn thẻ cho anh C, anh C hỏi anh L thì anh L đồng ý. Sau đó, P đã liên hệ với anh L để lấy tài khoản, mật khẩu, mã OTP để thực hiện việc rút tiền bằng hình thức thanh toán hoá đơn tiền điện từ thẻ của anh L với số tiền là 59.993.781 đồng. Đến ngày 28/03/2024, P vẫn không trả lại số tiền đã rút từ thẻ của anh L. Ngày 31/03/2024, anh C đã gặp P để nói chuyện, P có xin đến ngày 06/4/2024 sẽ trả lại tiền cho anh C. Tuy nhiên, đến ngày 06/4/2024 thì P mới trả được cho anh C số tiền là 20.000.000 đồng. Tối ngày 07/04/2024, anh C đã đến gặp vợ chồng P nói chuyện. P lại tiếp tục xin khất nợ đến ngày 23/4/2024 sẽ trả tiền cho anh C. Tuy nhiên sau nhiều lần hứa hẹn, P vẫn không trả tiền nên anh C đã trình báo sự việc đến Công an phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H) để giải quyết. Ngày 10/6/2024, Công an phường P đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N (nay là thành phố H) để tiếp tục xác minh giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 23/7/2024, P đã trả lại cho anh Long số tiền 80.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSNDTPHL ngày 22/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình truy tố Nguyễn Thị P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS; xử phạt Nguyễn Thị P từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong ngày 16/03/2024 và ngày 17/03/2024 tại số nhà 101, đường T, phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Thị P đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói là cần anh Bùi Trọng L cung cấp tài khoản, mật khẩu, mã OTP để vào App ngân hàng VP Bank kiểm tra các giao dịch bị lỗi hôm trước nhưng thực tế các giao dịch không bị lỗi khiến anh L tin tưởng và cung cấp tài khoản, mật khẩu, mã OTP cho P thực hiện việc thanh toán hóa đơn qua thẻ tín dụng ngân hàng để chiếm đoạt tài sản của anh L, cụ thể: Lần thứ nhất vào khoảng 22 giờ 30 phút đến 23 giờ ngày 16/03/2024, Nguyễn Thị P đã chiếm đoạt của anh L số tiền 26.312.564 đồng. Lần thứ hai vào khoảng 11 giờ 15 phút đến khoảng 11 giờ 20 phút ngày 17/03/2024, Nguyễn Thị P đã chiếm đoạt của anh Long số tiền 12.090.466 đồng. Tổng cộng số tiền Nguyễn Thị P đã chiếm đoạt của anh Bùi Trọng L là 38.403.029 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với nội dung bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội là phụ nữ có thai” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thực hiện 02 hành vi phạm tội vào các ngày 16 và 17/03/2024, mỗi hành vi phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS; vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Bản thân bị cáo:

- Ngày 24/8/2024, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N (nay là thành phố H) ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

- Ngày 16/9/2024, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Thị P đã trả lại cho anh L tổng số tiền 100.000.000 đồng (trong đó số tiền P chiếm đoạt là 38.403.029 đồng), anh L đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu, đề nghị P phải bồi thường gì khác; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Các vấn đề khác:

- Đối với anh Dương Ngọc T là người liên hệ với anh L và anh T1 để lấy tài khoản, mật khẩu để P thực hiện việc rút tiền ngày 12/03/2024, tuy nhiên anh T không biết việc P lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh L vào ngày 16/03/2024 và ngày 17/03/2024 nên không đồng phạm với P.

- Đối với anh Nguyễn Hữu T2 là người được P trả tiền qua hình thức thanh toán hóa đơn điện, tuy nhiên anh T2 không biết việc P lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh L để trả tiền hóa đơn điện cho mình nên không vi phạm.

- Ngoài ra trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiếp nhận đơn trình báo của anh Đinh Ngọc M, sinh năm 1991; trú tại: thôn Khánh Trung, xã N, huyện

H (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình về việc Nguyễn Thị P có hành vi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh M. Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 08/2022, anh M có quen P và thường xuyên nhờ P làm đảo hạn thẻ tín dụng ngân hàng cho anh M. Do có nhiều lần P mượn tiền tại thẻ tín dụng của anh M để làm đảo hạn thẻ tín dụng cho khách và P vẫn hoàn trả lại cho anh M nên anh M tin tưởng cho P vay tiền tiếp. Từ ngày 06/4/2023 đến ngày 13/5/2023, anh M cho P vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Sau đó, P không có tiền để trả cho anh M, ngày 28/07/2023 anh M và vợ chồng P có thỏa thuận và làm hợp đồng cho vay tiền với nội dung “anh M cho vợ chồng P vay số tiền là 200.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 28/07/2023 đến ngày 31/12/2023 với lãi suất là 0%, nếu quá hạn thì sẽ tính lãi là 1,66%”. Đến tháng 04/2024, P vẫn không có tiền để trả cho anh M, tuy nhiên P không có các hành vi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã vay của anh M. Như vậy, việc vay tiền giữa anh M và Nguyễn Thị P là giao dịch dân sự, không có sự việc phạm tội nên không xem xét.

[4]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N (nay là thành phố H), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N (nay là thành phố H), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về án phí: bị cáo phải chịu án **phí** hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 (Một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều **136** Bộ luật tố tụng hình sự; **điểm a khoản 1** Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) **án phí** hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/02/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THA.DS thành phố H;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

